

Thứ sáu, ngày 17 tháng 7 năm 2020

Vietnam Daily Review

Trở về ngưỡng 870 điểm

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 20/07/2020		•	
Tuần 20/7-24/7/2020		•	
Tháng 7/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Thị trường hôm nay một phần ảnh hưởng bởi KQKD Quý II và đã duy trì nhịp điều chỉnh từ đầu phiên đến cuối phiên với biên độ dao động chỉ tầm 3.18 điểm. Dòng tiền đầu tư suy giảm khi chỉ có 8/19 nhóm ngành tăng điểm trong phiên cuối tuần. Trong khi đó, khối ngoại bán ròng trên cả sàn HSX và sàn HNX. Thanh khoản thị trường không dồi dào, độ rộng thị trường tiêu cực và biên độ thị trường thu hẹp cho thấy tâm lý cẩn trọng vẫn đang chủ đạo thị trường. BSC khuyến nghị nhà đầu tư nên giữ nguyên tỷ trọng danh mục và theo dõi thị trường cùng các thông tin vĩ mô cũng như KQKD Quý II trước khi đưa ra quyết định đầu tư vào tuần sau.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL có sự phân hóa về giá. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 815 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 17/7/2020, hầu hết chứng khoán cơ sở đều giảm trong khi chứng quyền có sự phân hóa về giá. Giá trị giao dịch giảm.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest:

Danh mục đáng chú ý trong ngày: **Theme_Bất động sản Khu công nghiệp_1.5%**

Phân tích kỹ thuật: BFC_Tín hiệu tích cực (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **-4.81** điểm, đóng cửa **872.02** điểm. HNX-Index **+1.22** điểm, đóng cửa **116.81** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VPB (+0.32)**; **BID (+0.29)**; **PLX (+0.24)**; **BVH(+0.07)**; **GVR(+0.06)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VIC(-1.45)**; **VHM (-0.96)**; **VCB(-0.74)**; **VJC (-0.46)**; **TCB(-0.40)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 3,745 tỷ đồng, tăng **+1.0%** so với phiên trước.
- Biên độ dao động là 3.18 điểm, thu hẹp so với phiên liền trước. Thị trường có 162 mã tăng, 77 mã tham chiếu và 190 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-2.79** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VHM (-31.4 tỷ)**, **DXG (-22.9 tỷ)** và **MSN (-18.3 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-4.01** tỷ đồng.

VN-INDEX **872.02**

Giá trị: 3775.59 tỷ

-4.81 (-0.55%)

Khối ngoại (ròng): -2.79 tỷ

HNX-INDEX **116.81**

Giá trị: 623.32 tỷ

1.22 (1.06%)

Khối ngoại (ròng): -4.01 tỷ

UPCOM-INDEX **57.57**

Giá trị: 0.28 tỷ

0.54 (0.95%)

Khối ngoại(ròng): 8.01 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	40.5	-0.64%
Giá vàng	1,803	0.31%
Tỷ giá USD/VND	23,192	0.07%
Tỷ giá EUR/VND	26,393	-0.45%
Tỷ giá JPY/VND	21,637	0.16%
LS liên NH 1 tháng	0.4%	13.31%
LS TPCP 5 năm	1.9%	-0.16%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VNM	30.1	VHM	31.4
MBB	13.2	VCB	22.9
VIC	8.9	MSN	18.3
TCM	8.4	DXG	7.8
CTG	8.3	DBC	7.2

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Tín hiệu hàng hóa	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Câu chuyện cuối tuần	Trang 6
Cổ phiếu lớn	Trang 7
Thống kê thị trường	Trang 8
Báo cáo mới nhất	Trang 9
iBroker	Trang 10
Khuyến cáo sử dụng	Trang 11

* Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Bất động sản Khu công nghiệp_1.5%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	19/25 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
Bất động sản Khu công nghiệp	1.5%	1.3%	9.2%	9.2%	9.2%	10.0%	26.3%
Dầu khí	0.8%	1.1%	4.7%	4.7%	4.7%	-20.0%	25.2%
Nước & Năng lượng	0.5%	2.8%	8.6%	8.6%	8.6%	-2.8%	16.9%
Ngân Hàng	0.4%	1.8%	8.3%	8.3%	8.3%	-1.1%	22.9%
Lãi suất giảm	0.4%	-0.2%	9.5%	9.5%	9.5%	6.2%	19.7%
Bảo hiểm & Chứng khoán	0.4%	0.5%	6.9%	6.9%	6.9%	0.2%	22.3%
Chiến tranh thương mại	0.3%	-0.1%	4.8%	4.8%	4.8%	-7.9%	18.7%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	0.2%	1.1%	3.8%	3.8%	3.8%	8.3%	15.7%
Corona Avengers	0.0%	1.7%	7.5%	7.5%	7.5%	2.5%	22.0%
Ngành Dược	0.0%	3.9%	6.7%	6.7%	6.7%	-2.2%	18.4%
Đầu tư công	-0.1%	3.2%	8.8%	8.8%	8.8%	2.6%	20.3%
BDS & Khu công nghiệp	-0.1%	-0.3%	4.1%	4.1%	4.1%	-5.8%	17.7%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	-0.1%	1.1%	6.1%	6.1%	6.1%	-10.6%	21.7%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	-0.2%	1.0%	7.5%	7.5%	7.5%	-4.4%	21.2%
VN FinSelect	-0.2%	1.0%	7.0%	7.0%	7.0%	-4.2%	19.7%
Cổ phiếu hết room ngoại	-0.3%	1.2%	6.5%	6.5%	6.5%	-9.1%	19.6%
Vật liệu Xây dựng	-0.3%	0.3%	5.6%	5.6%	5.6%	3.5%	20.8%
Xây dựng	-0.4%	4.0%	12.4%	12.4%	12.4%	4.0%	19.7%
VN Diamond	-0.4%	1.2%	6.6%	6.6%	6.6%	-11.3%	19.8%
Stay-at-home	-0.7%	-0.5%	7.1%	7.1%	7.1%	12.0%	17.9%
Top 10 cổ phiếu VN30	-0.7%	0.3%	6.4%	6.4%	6.4%	-12.6%	16.8%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	-0.8%	0.8%	5.1%	5.1%	5.1%	-7.8%	18.1%
MSCI frontier 100 Việt Nam	-0.9%	0.4%	5.5%	5.5%	5.5%	-7.8%	16.0%
FTSE Việt Nam	-1.0%	0.8%	4.4%	4.4%	4.4%	-6.8%	16.9%
Hàng tiêu dùng	-1.0%	-1.6%	6.2%	6.2%	6.2%	2.3%	20.2%
Mục tiêu	9/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
S32	0.3%	1.3%	6.9%	6.9%	6.9%	-12.8%	22.6%
M31	0.1%	1.1%	6.5%	6.5%	6.5%	-5.5%	21.5%
L11	0.0%	1.0%	4.8%	4.8%	4.8%	-5.9%	17.8%
S21	-0.1%	0.1%	3.8%	3.8%	3.8%	-8.7%	20.1%
M22	-0.2%	1.2%	4.9%	4.9%	4.9%	-0.9%	18.8%
M12	-0.3%	0.3%	4.2%	4.2%	4.2%	-6.1%	20.0%
L32	-0.3%	3.0%	9.5%	9.5%	9.5%	-3.3%	21.3%
L22	-0.4%	0.1%	4.0%	4.0%	4.0%	-6.6%	20.2%
S11	-0.5%	-0.4%	4.5%	4.5%	4.5%	2.4%	
Khẩu vị Rủi ro	3/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
HIGH3	0.1%	0.7%	5.6%	5.6%	5.6%	0.6%	19.5%
LOW1	-0.5%	0.0%	3.8%	3.8%	3.8%	-4.6%	17.2%
MID1	-0.5%	-1.0%	5.7%	5.7%	5.7%	6.1%	17.6%
INDEX							
VNINDEX	-0.5%	0.1%	5.7%	5.7%	5.7%	-9.3%	16.9%
VN30INDEX	-0.7%	0.6%	5.7%	5.7%	5.7%	-7.4%	17.5%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	25	19	6	20	5	17	8
Mục tiêu	9	9	0	8	1	3	6
Rủi ro	3	3	0	1	2	0	3

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:
Vũ Quốc Khánh

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>
khanhvq@bsc.com.vn

Phân tích kỹ thuật

BFC_Tín hiệu tích cực

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tích lũy.
- Chỉ báo xu hướng MACD: đường MACD ở trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Tăng dần trên giá trị 50 và chưa đi vào vùng quá mua.
- Đường MA: Xuất hiện Golden Cross.

Nhận định: BFC thời gian qua đã tích lũy ngắn hạn trong khu vực 11.5-12 sau khi có sự hồi phục từ ngưỡng hỗ trợ 9.5. Thanh khoản cổ phiếu phiên hôm nay tăng cao đã đẩy giá BFC tăng 4.6%. Các chỉ báo kỹ thuật hiện đang nghiêng về trạng thái tích cực. Các đường EMA vừa xuất hiện Golden Cross, đồng thời chỉ báo động lượng RSI đang tăng dần và còn cách khá xa vùng quá mua nên động lực tăng có thể được duy trì trong ngắn hạn. Ngưỡng hỗ trợ gần nhất của BFC nằm tại mốc 12. Mục tiêu chốt lãi của cổ phiếu nằm tại xung quanh giá 14, cắt lỗ nếu ngưỡng 11.5 bị xuyên thủng.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

Thông tin chi tiết mời truy cập [Link](#)

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

PLX_Tín hiệu tích cực	Link
PC1_Tăng giá	Link
CTI_Xu hướng tăng	Link
VNM_Hưng phấn	Link
GVR_Tín hiệu tích cực	Link

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 17/7

*Mặt hàng	ĐVT	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	40.75	0.00%	0.50%	5.40%	-24.06%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	43.33	-0.09%	0.20%	6.30%	-28.75%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USDcent/gallon	123.29	-0.08%	-3.90%	1.50%	-27.48%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1796.84	-0.02%	-0.10%	4.00%	27.09%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	18.94	-1.11%	1.20%	8.20%	16.48%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	893.50	0.28%	0.30%	2.30%	-5.15%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	538.00	0.51%	0.70%	7.30%	1.37%		AFX
Sữa	USD /cwt	24.23	-0.33%	0.20%	25.70%	40.87%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	145.75	0.40%	0.50%	n/a	n/a	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	11.79	-0.25%	-0.40%	-2.80%	-11.35%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	98.35	1.18%	-0.40%	2.60%	-18.75%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/ton	6436.50	0.79%	2.20%	12.40%	7.58%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	USD/ton	529.89	-0.41%	0.20%	4.30%	n/a	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1670.50	-0.77%	0.40%	4.60%	-9.90%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	117.01	-1.39%	3.50%	7.30%	n/a	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	57.85	-1.36%	0.40%	3.20%	-29.28%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Giá dầu Brent giảm 42 US cent, tương đương 1%, xuống 43.37 USD/thùng, dầu Tây Texas Mỹ (WTI) giảm 45 US cent (1.1%) xuống 40.75 USD/thùng..
- Giám đốc điều hành Cơ quan Năng lượng Quốc tế, Fatih Birol, ngày 15/7 cho biết, thị trường dầu toàn cầu đang cân bằng trở lại, và dự báo giá sẽ duy trì ở mức khoảng 40 USD/thùng trong những tháng tới.
- OPEC+ đồng ý thu hẹp quy mô cắt giảm sản lượng đi 2 triệu thùng/ngày còn 7.7 triệu thùng/ngày kể từ tháng 8 đến hết năm 2020. Trong khi đó, làn sóng Covid-19 thứ 2 cản trở giá dầu tăng. Số ca nhiễm virus mới tiếp tục nhiều lên ở nhiều nơi trên thế giới, nhất là Mỹ. Đã có gần 600,000 người trên toàn cầu tử vong vì virus này.

Giá vàng

- Giá vàng giao ngay giảm 0.8% xuống 1,796 USD/ounce, vàng kỳ hạn tháng 8/2020 giảm 0.7% xuống 1,800 USD/ounce.
- Giá vàng đã giảm xuống dưới ngưỡng 1,800 USD/ounce trong phiên vừa qua do USD mạnh lên và Ngân hàng trung ương Châu Âu giữ nguyên chính sách tiền tệ hiện tại, khiến nhiều nhà đầu tư lại hứng khởi với những điểm đầu tư khác ngoài vàng.
- Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) ngày 16/7 đã quyết định giữ nguyên các loại lãi suất chủ chốt ở các mức từ -0.5% đến 0.25% cũng như chương trình mua trái phiếu trị giá hơn 1,300 tỷ euro (tương đương 1,500 tỷ USD) và sẽ tiếp tục cung cấp hàng loạt khoản tín dụng cho các ngân hàng ở châu Âu. Bên cạnh đó, ECB quyết định hoãn đưa ra các biện pháp hỗ trợ kinh tế mới sau khi đã triển khai một số gói kích thích kinh tế trong thời gian qua, qua đó giúp duy trì chi phí đi vay của các doanh nghiệp và người tiêu dùng ở mức tương đương giai đoạn trước khi dịch COVID-19 bùng phát.

Giá sắt thép

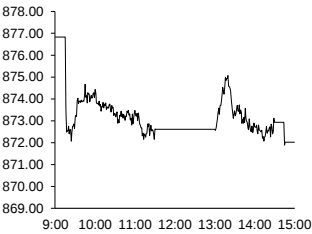
- Quặng sắt kỳ hạn tháng 9 trên sàn Đại Liên giảm 0.8% xuống 827 CNY (118.18 USD)/tấn. Giá thép cây trong phiên vừa qua (kỳ hạn tháng 10) giảm 1% xuống 3,703 CNY/tấn. Giá sắt thép trên thị trường Trung Quốc giảm trong phiên vừa qua do dự báo thời tiết sẽ khiến nhu cầu yếu đi, nhưng đã giảm được hạn chế bởi nền kinh tế lớn thứ 2 thế giới đang tăng trưởng trở lại.

Giá nông sản

- Giá cà phê arabica kỳ hạn tháng 9 tăng 1.15 US cent (1.2%) lên 98.35 US cent/lb, trong khi robusta giao cùng kỳ hạn tăng 17 USD, tương đương 1.4%, lên 1,243 USD/tấn.
- Ngày 16/7, gạo 5% tấm của Thái Lan giá 440–455 USD/tấn, thấp nhất kể từ cuối tháng 2/2020, so với mức 455-485 cách đó một tuần; gạo cùng loại của Việt Nam tăng tiếp lên 435 – 457 USD/tấn, mức cao nhất kể từ 8/6/2020, so với 425 – 457 USD/tấn cách đây một tuần; trong khi gạo đỏ 5% tấm của Ấn Độ giá vững ở 377 – 382 USD/tấn.

Hình 1

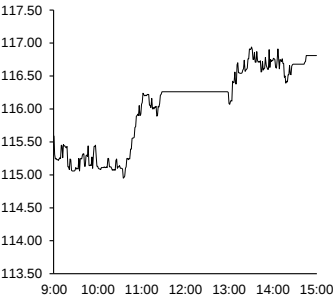
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

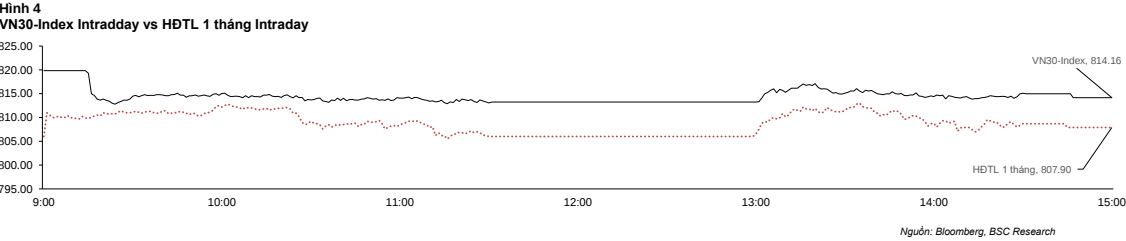
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Du lịch và Giải trí	-1.60%
Bất động sản	-1.19%
Công nghệ Thông tin	-0.83%
Bán lẻ	-0.77%
Thực phẩm và đồ uống	-0.59%
Truyền thông	-0.41%
Y tế	-0.29%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.16%
Ngân hàng	-0.11%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.06%
Viễn thông	0.00%
Xây dựng và Vật liệu	0.17%
Bảo hiểm	0.27%
Tài nguyên Cơ bản	0.34%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.42%
Dịch vụ tài chính	0.44%
Ô tô và phụ tùng	0.50%
Hóa chất	0.50%
Dầu khí	1.05%

Nguồn: FiinPro

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2008	807.90	0.24%	-6.26	338.1%	162,893	8/20/2020	34
VN30F2009	802.60	0.17%	-11.56	329.8%	533	9/17/2020	62
VN30F2012	799.10	-0.11%	-15.06	107.7%	135	12/17/2020	153
VN30F2103	798.00	-1.99%	-16.16	#N/A	151	3/18/2021	244

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

• VN30 Index giảm -5.67 điểm, xuống mức 814.16 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như TCB, VJC, VIC, VNM, và VHM tác động mạnh đến điều chỉnh giảm của VN30. VN30 giảm mạnh đầu phiên sáng, trước khi giành phần lớn thời gian giao dịch giằng co quanh 815 điểm. Thanh khoản duy trì tại mức thấp, VN30 có thể vận động tích lũy trong vùng giá 795-815 điểm trong những phiên tiếp theo.

• Các HDTL có sự phân hóa về giá. Các HDTL ngắn hạn đều tăng, trong khi các HDTL dài hạn đều giảm. Xét về khối lượng giao dịch, VN30F2008 và VN30F2009 đang giảm, trong khi VN30F2012 và VN30F2103 đang tăng. Xét về vị thế mở, các hợp đồng đều giảm. Điều này báo hiệu điều chỉnh giảm ngắn hạn. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 815 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CVPB2006	SSI	11/30/2020	136	1:1	86,420	255.5%	5.0 triệu	45.19%	3,400	2,450	12.90%	2,302	1.06
CSTB2004	SSI	11/30/2020	136	1:1	104,270	38.8%	5.0 triệu	41.76%	1,400	1,790	6.55%	1,576	1.14
CHDB2003	KIS	12/16/2020	152	2:1	141,230	-0.6%	2.0 triệu	39.96%	2,700	1,170	6.36%	626	1.87
CDPM2002	KIS	12/16/2020	152	1:1	136,390	-33.0%	2.0 triệu	40.40%	1,700	2,480	5.08%	1,362	1.82
CSTB2002	KIS	12/16/2020	152	1:1	188,080	123.1%	3.0 triệu	41.76%	1,700	1,770	4.12%	1,219	1.45
CVPB2005	MBS	8/18/2020	32	2:1	88,540	17.5%	2.0 triệu	45.19%	1,510	1,850	3.35%	1,882	0.98
CHPG2002	KIS	12/16/2020	152	2:1	176,880	-67.5%	3.0 triệu	36.53%	1,700	1,900	1.60%	1,155	1.65
CHPG2010	KIS	4/5/2021	262	4:1	233,230	-52.3%	2.0 triệu	36.53%	1,800	1,400	1.45%	562	2.49
CVNM2003	MBS	9/4/2020	49	10:1	140,700	-54.6%	3.0 triệu	31.46%	1,450	2,600	0.00%	2,352	1.11
CMWG2009	MBS	10/23/2020	98	8:1	260,720	-20.6%	4.0 triệu	39.66%	1,600	1,370	0.00%	1,047	1.31
CHPG2008	SSI	11/30/2020	136	1:1	63,750	-47.1%	5.0 triệu	36.53%	4,100	3,780	0.00%	3,043	1.24
CVHM2001	KIS	12/16/2020	152	5:1	173,910	-26.6%	2.0 triệu	37.48%	3,100	1,570	-0.63%	720	2.18
CVNM2004	SSI	11/30/2020	136	1:1	12,060	-0.4%	2.0 triệu	31.46%	17,500	14,820	-1.79%	9,343	1.59
CHPG2009	HSC	10/29/2020	104	2:1	49,680	-85.9%	5.0 triệu	36.53%	1,600	3,530	-2.22%	3,290	1.07
CVHM2002	SSI	11/30/2020	136	1:1	53,900	362.7%	1.5 triệu	37.48%	11,500	11,920	-2.30%	9,795	1.22
CMWG2007	SSI	11/30/2020	136	1:1	23,760	413.2%	2.0 triệu	39.66%	12,900	9,120	-2.56%	7,448	1.22
CHPG2005	VND	10/1/2020	76	1:1	22,470	-33.7%	2.0 triệu	36.53%	2,100	9,510	-2.86%	9,745	0.98
CVHM2003	HSC	10/29/2020	104	10:1	156,200	100.9%	5.0 triệu	37.48%	1,000	1,560	-3.11%	1,334	1.17
CVNM2002	KIS	12/16/2020	152	5:1	221,070	287.9%	3.0 triệu	31.46%	3,200	1,220	-3.94%	582	2.09
CVRE2005	SSI	11/30/2020	136	1:1	62,410	78.4%	1.5 triệu	44.31%	4,000	2,810	-4.75%	2,606	1.08
Tổng:					2,309,250		55.00 triệu	38.37%**					

Chú thích: Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
**Trung bình độ lệch chuẩn

CR: Tỷ lệ chuyển đổi
Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn
*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

Nhận định:

• Trong phiên giao dịch ngày 17/7/2020, hầu hết chứng khoán cơ sở đều giảm trong khi chứng quyền có sự phân hóa về giá. Giá trị giao dịch giảm.

• Về giá, CVPB2006 và CVPB2007 tăng mạnh lần lượt là 12.90% và 9.16%. Trái lại, CREE2003 giảm mạnh -9.52%. Giá trị giao dịch giảm -17.07%. CVHM2002 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 8.02% thị trường.

• Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là HPG, MBB, TCB, và VPB, các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CHPG2005 và CVHM2002 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CHPG2005 và CHPG2006 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VPB	23.05	1.99	1.01
PLX	47.50	1.39	0.09
BID	41.60	0.60	0.05
CTD	84.60	1.32	0.05
SSI	16.70	0.60	0.05

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
TCB	20.6	-1.90	-1.19
VJC	109.0	-2.68	-1.03
VIC	91.5	-1.61	-0.94
VNM	116.8	-0.60	-0.52
VHM	80.5	-1.23	-0.51

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CVPB2006	27,400	24,000	23,050
CSTB2004	12,400	11,000	11,600
CHDB2003	37,523	32,123	26,950
CDPM2002	16,952	15,252	14,600
CSTB2002	13,588	11,888	11,600
CVPB2005	22,520	19,500	23,050
CHPG2002	33,399	29,999	28,550
CHPG2010	40,300	33,100	28,550
CVNM2003	107,280	92,780	116,800
CMWG2009	94,800	82,000	84,000
CHPG2008	32,100	28,000	28,550
CVHM2001	110,067	94,567	80,500
CVNM2004	133,973	116,473	116,800
CHPG2009	25,700	22,500	28,550
CVHM2002	88,500	77,000	80,500
CMWG2007	99,900	87,000	84,000
CHPG2005	21,100	19,000	28,550
CVHM2003	80,000	70,000	80,500
CVNM2002	155,285	139,285	116,800
CVRE2005	32,000	28,000	26,850

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

QUẠ VÀ CÁO

Hôm nay quạ cuỗm được một miếng thịt ngon liền ngậm chặt miếng thịt bay về tổ. Khi đã mệt, nó đậu trên cành cây nghỉ ngơi, mở vãn cặp chặt miếng thịt.

Đúng lúc ấy, một con cáo đi ngang qua gốc cây, nhìn miếng thịt vừa to vừa béo ngậy của quạ, cáo ta thèm rỏ dãi. Ngay lập tức, nó nảy ra một kế để cướp lấy mồi ngon:

- Chào cô quạ, chúa tể của loài chim!

Quạ thấy lạ quá, định hỏi cáo nhưng chợt nhớ ra miếng thịt đang ngậm trong mỏ nên chỉ gật gật đầu tỏ ý đồng tình. Cáo đi guốc trong bụng quạ bèn ngọt nhạt:

- Biết tin cô được chọn làm vua, tôi vội đi báo tin cho cô đấy! Ai cũng đồng tình, chỉ có riêng chim khách là chê cô xu nịnh thôi.

Quạ tức tiên liền mắng luôn:

- Đồ chim khách lảm lời, ta...

Vừa mở miệng thì miếng thịt đã rơi xuống đất, lập tức bị cáo cuỗm đi mất

Cáo còn đắc ý cười khẩy, mắng quạ :

- Nếu mi không ưa nịnh bợ thì vài câu tán dương của ta làm sao bắt mi mở miệng ra được.

✦✦✦ Bài học: Tìm hiểu kỹ doanh nghiệp; nắm bắt đầy đủ và chính xác thông tin, có như vậy mới chủ động được kế hoạch đầu tư tránh được tác động trong ngắn hạn của thị trường.

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	84.0	-0.9%	1.2	1,654	1.4	8,808	9.5	2.8	49.0%	33.6%
PNJ	Bán lẻ	60.4	-0.2%	1.3	591	0.8	5,248	11.5	2.7	49.0%	26.0%
BVH	Bảo hiểm	48.4	0.7%	1.3	1,560	1.3	1,307	37.0	1.9	28.2%	5.3%
PVI	Bảo hiểm	29.8	-0.7%	0.4	290	0.0	2,056	14.5	1.0	54.4%	6.8%
VIC	Bất động sản	91.5	-1.6%	0.8	13,456	0.9	2,095	43.7	3.8	13.9%	10.6%
VRE	Bất động sản	26.9	-1.6%	1.1	2,653	0.8	1,226	21.9	2.3	30.8%	10.3%
NVL	Bất động sản	61.9	-0.3%	0.8	2,609	2.1	3,584	17.3	2.7	6.1%	16.3%
REE	Bất động sản	32.7	-1.4%	0.8	440	0.5	4,976	6.6	1.0	49.0%	16.0%
DXG	Bất động sản	11.2	0.0%	1.3	252	2.0	2,289	4.9	0.8	40.8%	15.9%
SSI	Chứng khoán	16.7	0.6%	1.3	436	5.0	1,415	11.8	0.9	49.4%	7.8%
VCI	Chứng khoán	23.2	-0.9%	1.0	165	0.3	4,240	5.5	0.9	27.4%	18.0%
HCM	Chứng khoán	19.3	0.5%	1.7	256	1.4	1,480	13.0	1.3	52.1%	12.0%
FPT	Công nghệ	48.1	-1.0%	0.8	1,639	2.8	4,804	10.0	2.2	49.0%	23.4%
FOX	Công nghệ	49.0	0.4%	0.4	530	0.0	4,812	10.2	2.6	0.0%	28.3%
GAS	Dầu khí	71.9	-0.4%	1.5	5,983	1.2	5,820	12.4	2.7	3.3%	23.6%
PLX	Dầu khí	47.5	1.4%	1.5	2,490	2.8	869	54.6	3.0	14.5%	5.7%
PVS	Dầu khí	12.5	-0.8%	1.5	260	0.9	1,238	10.1	0.5	11.5%	4.8%
BSR	Dầu khí	7.1	1.4%	0.8	957	0.3	898	7.9	0.6	41.1%	8.5%
DHG	Dược	93.0	-0.2%	0.5	529	0.0	5,046	18.4	3.5	54.6%	20.2%
DPM	Hóa chất	14.6	-1.0%	0.4	248	1.1	1,006	14.5	0.7	10.9%	5.4%
DCM	Hóa chất	9.0	-0.4%	0.4	206	0.5	415	21.6	0.8	1.9%	3.7%
VCB	Ngân hàng	82.8	-0.8%	1.1	13,352	2.3	4,848	17.1	3.6	23.7%	22.8%
BID	Ngân hàng	41.6	0.6%	1.4	7,275	2.4	2,140	19.4	2.2	17.7%	12.0%
CTG	Ngân hàng	24.1	0.0%	1.2	3,901	3.6	2,510	9.6	1.1	30.0%	12.6%
VPB	Ngân hàng	23.1	2.0%	1.2	2,443	5.1	3,750	6.1	1.3	23.4%	22.7%
MBB	Ngân hàng	17.5	0.0%	1.0	1,835	3.0	3,398	5.1	1.0	23.0%	20.1%
ACB	Ngân hàng	24.8	3.3%	0.9	1,793	8.4	3,780	6.6	1.4	30.0%	23.9%
BMP	Nhựa	53.5	-0.9%	0.9	190	0.2	5,303	10.1	1.7	81.6%	17.0%
NTP	Nhựa	30.7	0.0%	0.4	157	0.0	4,208	7.3	1.2	18.9%	17.0%
MSR	Tài nguyên	15.3	0.0%	0.4	658	0.0	356	43.0	1.2	1.9%	2.9%
HPG	Thép	28.6	-0.2%	1.1	3,427	8.4	2,764	10.3	1.6	36.0%	17.4%
HSG	Thép	11.6	0.4%	1.4	223	3.1	1,493	7.7	0.8	11.4%	11.4%
VNM	Tiêu dùng	116.8	-0.6%	0.7	8,843	3.0	5,453	21.4	6.8	58.7%	32.5%
SAB	Tiêu dùng	192.0	-0.5%	0.8	5,353	0.8	6,719	28.6	7.1	63.3%	27.2%
MSN	Tiêu dùng	56.2	-1.4%	1.0	2,856	1.9	3,961	14.2	1.6	38.9%	12.7%
SBT	Tiêu dùng	15.2	0.3%	0.8	386	4.1	171	88.8	1.2	5.6%	1.5%
ACV	Vận tải	58.5	-0.8%	0.8	5,537	0.8	3,450	17.0	3.5	3.3%	22.3%
VJC	Vận tải	109.0	-2.7%	1.1	2,483	1.5	7,110	15.3	3.8	18.1%	26.3%
HVN	Vận tải	26.2	-0.6%	1.7	1,616	0.3	1,654	15.8	2.0	9.3%	12.9%
GMD	Vận tải	19.6	-0.3%	0.9	253	0.1	1,583	12.4	1.0	49.0%	7.8%
PVT	Vận tải	10.6	-0.5%	1.1	129	0.2	2,117	5.0	0.7	23.0%	14.3%
VCS	Vật liệu xây dựng	63.4	0.6%	1.0	428	0.2	9,201	6.9	3.0	2.8%	45.7%
VGC	Vật liệu xây dựng	20.0	-0.7%	0.7	390	0.4	1,453	13.8	1.4	10.0%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	13.9	0.4%	1.0	230	0.2	1,938	7.1	1.0	6.4%	13.8%
CTD	Xây dựng	84.6	1.3%	1.0	281	2.6	8,032	10.5	0.8	45.9%	7.3%
VCG	Xây dựng	26.3	-1.5%	0.3	505	0.2	1,498	17.6	1.7	0.4%	10.0%
CII	Xây dựng	18.0	0.3%	0.3	187	0.8	1,775	10.1	0.8	37.8%	8.5%
POW	Điện	10.0	-1.0%	0.6	1,018	0.9	1,028	9.7	0.9	11.3%	9.4%
NT2	Điện	23.5	2.0%	0.5	294	0.5	2,543	9.2	1.6	18.3%	18.1%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VPB	23.05	1.99	0.32	5.08MLN
BID	41.60	0.60	0.29	1.34MLN
PLX	47.50	1.39	0.24	1.34MLN
BVH	48.35	0.73	0.07	641980.00
GVR	12.10	0.41	0.06	900470.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	gày 04/07/2020	Index pt	KLGD
VIC	0.00	-1.45	214530.00	1.11MLN
VHM	0.00	-0.96	835720.00	607060.00
VCB	0.00	-0.74	628000.00	373600.00
VJC	0.00	-0.46	319230.00	192700.00
TCB	0.00	-0.40	1.18MLN	611640.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SMA	10.70	7.00	0.00	650.00
DAT	27.55	6.99	0.02	60.00
APG	10.75	6.97	0.01	1.18MLN
DAH	9.86	6.94	0.01	11.37MLN
UDC	5.43	6.89	0.00	435620.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CLL	27.20	-9.03	-0.03	1000.00
AGM	13.40	-8.53	-0.01	30880.00
HTI	12.25	-7.20	-0.01	8580.00
TCO	9.86	-6.98	0.00	30.00
NVT	5.00	-6.89	-0.01	9280.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	24.80	3.33	1.24	7.89MLN
SHB	13.00	0.78	0.15	2.63MLN
IDC	19.60	2.62	0.07	7100.00
VIF	17.80	7.23	0.04	1600.00
S99	16.60	5.06	0.04	1.04MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

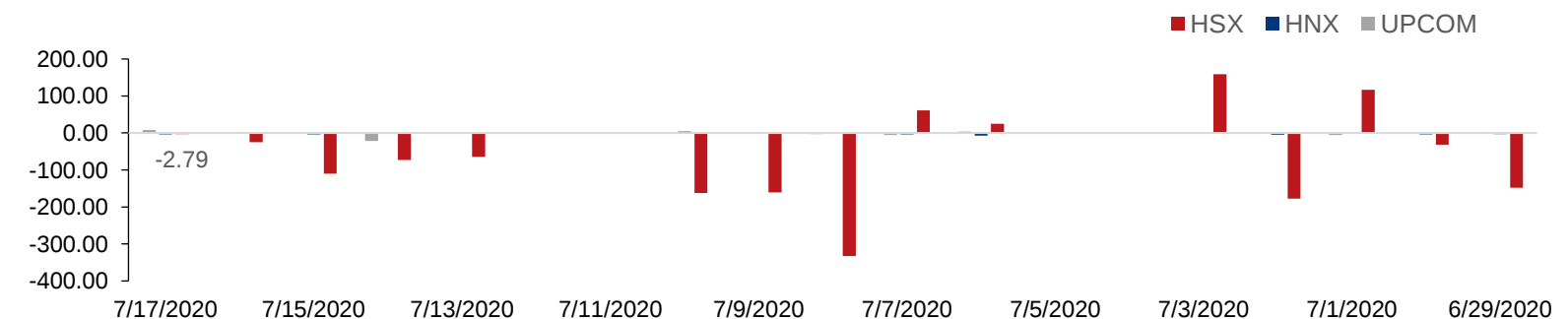
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NVB	9.00	-1.10	-0.04	2.12MLN
VCG	26.30	-1.50	-0.03	145200.00
PVS	12.50	-0.79	-0.02	1.64MLN
RCL	21.40	-8.55	-0.01	100.00
VIX	7.00	-1.41	-0.01	55800.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
EVS	7.70	10.0	0.01	5500.00
TJC	7.70	10.0	0.00	100.00
CTC	4.50	9.8	0.00	4600.00
PSE	7.90	9.7	0.00	500.00
VAT	2.40	9.1	0.00	53800.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NHP	0.50	-16.67	0.00	84900.00
ACM	0.80	-11.11	-0.01	1.23MLN
MCF	7.80		0.00	400.00
BBS	12.60	-10.00	0.00	1100.00
MED	40.30	-9.64	-0.01	100.00



Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	Phân tích vĩ mô		Click
2	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	Phân tích vĩ mô		Click
3	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	Phân tích vĩ mô		Click
4	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020	Phân tích ngành		Click
5	BSC_Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	Phân tích vĩ mô		Click
6	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	Phân tích vĩ mô		Click
7	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 2.2020	Phân tích vĩ mô		Click
8	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	Phân tích vĩ mô		Click
9	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector	Phân tích ngành		Click
10	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona) và tác động	Phân tích vĩ mô		Click
11	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 1.2020	Phân tích vĩ mô		Click
12	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020	Phân tích ngành		Click
13	BSC_Báo cáo tác động của Virus Corona	Phân tích vĩ mô		Click
14	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN	Phân tích ngành		Click
15	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	Phân tích vĩ mô		Click
16	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 11.2019	Phân tích vĩ mô		Click
17	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
18	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
19	Vĩ Mô & Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
20	BSC_Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	NLG	Bất động sản	Mua	24/6/2020	25.0	34.6	25.4	3,509	7.2	1.2	Click
2	VPB	Ngân hàng	Mua	11/6/2020	22.5	29.0	23.1	3,750	6.1	1.3	Click
3	DBC	Thực phẩm	Mua	8/6/2020	54.0	71.3	50.0	6,759	7.4	1.3	Click
4	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/2020	63.9	70.8	56.2	3,961	14.2	1.6	Click
5	DGC	Hóa chất	Theo dõi	3/6/2020	38.9	43.2	40.4	5,365	7.5	1.4	Click
6	HSG	VLXD	Mua	2/6/2020	10.1	12.4	11.6	1,493	7.7	0.8	Click
7	VEA	Ô tô	Theo dõi	27/05/202	40.0	44.2	45.3	5,479	8.3	2.3	Click
8	SZC	Bất động sản	Mua	20/05/2018	18.7	22.2	21.3	1,140	18.7	1.8	Click
9	HPG	VLXD	Mua	20/05/2019	26.2	36.7	28.6	2,764	10.3	1.6	Click
10	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	20/05/2020	21.3	25.0	20.6	2,987	6.9	1.1	Click
11	PNJ	Bán lẻ	Theo dõi	19/5/2020	62.0	64.5	60.4	5,248	11.5	2.7	Click
12	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/2020	125.0	145.9	136.0	5,718	23.8	8.4	Click
13	DXG	Bất động sản	Theo dõi	19/5/2020	10.6	15.4	11.2	2,289	4.9	0.8	Click
14	PLC	Dầu khí	Theo dõi	15/5/2020	16.4	18.8	15.8	1,496	10.6	0.9	Click
15	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/2020	27.3	N/a	20.8	7,637	2.7	1.0	Click
16	CSV	Hóa chất	Theo dõi	13/5/2020	20.6	N/a	21.9	5,311	4.1	1.0	Click
17	DGW	Bán lẻ	Mua	13/5/2020	26.9	32.1	42.5	4,465	9.5	1.8	Click
18	VCB	Ngân hàng	Mua	8/5/2020	67.4	90.0	82.8	4,848	17.1	3.6	Click
19	ACB	Ngân hàng	Mua	7/5/2020	20.3	27.0	24.8	3,780	6.6	1.4	Click
20	VHC	Thủy sản	Theo dõi	6/5/2020	29.5	33.8	39.0	6,553	5.9	1.4	Click

TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER
Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express CTD 2020Q3	7/1/2020	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 100835 ; Giá tại Publish 74400 Dự báo KQKD: BSC dự báo KQKD CTD 2020 với DT và LNST ước đạt lần lượt là 16,846 tỷ đồng (-29% YoY) và 611 tỷ đồng (-14% YoY), tương đương EPS fw là 7,432 đ/cp - PE fw = 10x; BVPS fw=118,629 đ/cp – PB fw= 0.63x.
Express C4G 2020Q2	6/29/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 7200 Dự báo KQKD: Kế hoạch 2020: Kế hoạch DT và LNST lần lượt 3,050 tỷ (+30% YoY) và 200 tỷ (+116% YoY), tổng sản lượng là 3,000 tỷ đồng. C4G chia cổ tức năm 2020 là 15%. Cập nhật KQKD: Lũy kế tới tháng 6, tổng dự án đang có của C4G đạt 5,200 tỷ đồng bao gồm cả ký mới trong 2020, trong đó một số dự án trọng điểm triển khai trong năm nay bao gồm: Đường Vành đai phía Tây 2 TP Đà Nẵng – Gói thầu 06OFID.EX, Cao tốc Bắc nam đoạn Cam Lộ - La Sơn – Gói thầu số 9, hầm chui Nguyễn Bỉnh Khiêm – Gói thầu số 1 và Cải tạo nút giao thông phía tây cầu Trần Thị Lý.
Express KBC 2020Q2	6/29/2020	Dự báo KQKD: Kế hoạch năm 2020, KBC đặt ra 2 kịch bản (1) Phương án khả quan: tổng doanh thu 3,200 tỷ đồng (tương đương 2019), lợi nhuận sau thuế 816 tỷ đồng (-21% yoy) (2) Phương án tích cực: doanh thu dự kiến 3,600 tỷ đồng (+12% yoy), lợi nhuận sau thuế 1,000 tỷ đồng (-4% yoy). Nguồn vốn: tập đoàn dự kiến vay tín dụng hoặc phát hành trái phiếu khoảng 1,500 – 2,000 tỷ đồng để đầu tư các dự án cũ, mới và bổ sung nguồn vốn kinh doanh.
Express SJS 2020Q2	6/12/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 22000 Catalyst: Tổng Công ty Sông Đà có kế hoạch thoái toàn bộ vốn tại SJS. Công ty cho biết hiện đang triển khai rất tích cực, tuy nhiên tại ĐHCĐ không chia sẻ thêm thông tin chi tiết. Theo như chia sẻ trong lần gặp trước đây thì thời điểm dự kiến hoàn tất thoái vốn là Q2/2020.
Express HT1 2020Q2	6/12/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 13450 ; Giá tại Publish 13700 Dự báo KQKD: BSC dự báo doanh thu thuần năm 2020 của HT1 đạt 8,387 tỷ đồng (-5.1% yoy) với giả định sản lượng xi măng tiêu thụ đạt 7 triệu tấn (-3% yoy), giá bán bình quân giảm 2% yoy. Giả định giá than giảm 7% yoy, điện (-1% yoy do chính sách hỗ trợ giá điện từ Chính phủ trong Q2/2020), giá các nguyên vật liệu khác giữ nguyên, biên LNG được dự báo giảm từ 17.7% về 16.9%. LNST đạt 692 tỷ (-6.5% yoy), tương đương với EPS = 1,632 đồng/CP (giả định trích quỹ KTPL 10%).

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công

Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong

Trần Thành Hưng

Nguyễn Hoàng Dương

Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn

hungtt@bsc.com.vn

duongnh@bsc.com.vn

nguyennh@bsc.com.vn